



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

chỉ số

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	01	1	7,8	1	Hà	lê
2	000002	1101070432	Lê Thị Nhật	Dương	18/03/2005	KL11A	01	2	4,0	1	Dương	chấn
3	000003	1101071425	Nguyễn Tùng	Dương	10/02/2005	KL11A	01	3	4,0	1	Dương	lê
4	000004	1101070438	Ninh Thị Thu	Huệ	28/12/2005	KL11A	01	4	1,9	1	Huệ	chấn
5	000005	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	01	5	3,0	1	Hào	lê
6	000006	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	02	6	6,5	1	Chinh	chấn
7	000007	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	02	7	6,8	1	Hương	lê
8	000008	1101020115	Phùng Thị	Hường	07/05/2005	KD11A	02	8	5,4	1	Phùng	chấn
9	000009	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	02	9	3,1	1	Giang	lê
10	000010	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	02	10	4,5	1	Bình	chấn
11	000011	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	03	11	3,8	1	Giang	HP ✓ lê
12	000012	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	03	12	5,2	1	Anh	chấn
13	000013	1001020136	Lê Mạnh	Hàng	06/11/2004	KD10B	03	13	3,6	1	Hàng	lê
14	000014	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A	03	14	1,3	1	Anh	chấn
15	000015	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	03	15	3,2	1	Hòa	lê
16	000016	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	03	16	4,5	1	Chung	chấn
17	000017	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	03	17	2,4 - 10% = 2,16	1	Anh	lê 10%
18	000018	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	04	18	2,0	1	Hương	chấn
19	000019	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	04	19	5,8	1	Dung	lê
20	000020	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	04	20	1,5	1	Đức	chấn
21	000021	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	04	21	5,0	1	Anh	lê
22	000022	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	04	22	2,1	1	Anh	chấn
23	000023	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	05	23	3,8	1	Cường	lê
24	000024	1001020025	Hoàng Thị Mai	Anh	02/08/2004	KD10C	05	24	0,6 không sai	1	Anh	HP ✓ chấn
25	000025	1001020070	Nguyễn Nhu	Bình	10/11/2004	KD10G	05	25	5,5	1	Bình	HP ✓ lê
26	000026	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	05	26	1,5	1	Đạt	HP ✓
27	000027	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	05	27	3,6	1	Duy	lê
28	000028	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	05	28	3,1	1	Anh	HP ✓ chấn
29	000029	1001031189	Nguyễn Việt	Anh	20/10/2004	QM10B	05	29	4,8	1	Việt	lê
30	000030	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	05	30	3,6	2	Huy	HP ✓ chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000031	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	05	31	5,0	1	Hiếu	lo'
32	000032	1001031238	Lã Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	05	32	6,6	1	Hương	HP ✓ chẵn
33	000033	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	05	33	4,3	1	Hùng	h'
34	000034	1001011760	Phan Hạnh	Chi	13/09/2003	TC10A	05	34	2,3	1	Chi	chẵn
35	000035	1001010763	Lê Ngọc	Diệp	10/06/2004	TC10A	05	35	3,2	1	Diệp	HP ✓ lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: ... 35 ...

Tổng số tờ giấy thi: ... 36 ...

Tổng số biên bản: ... 01 ...

Ngày ... 06 ... tháng ... 09 ... Năm ... 2025 ...

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Linh Chi

Bùi Tiến T. L.



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000036	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	01	66	2,1	01	Thư	chấn
2	000037	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	01	65	1,5	01	Trang	lẻ
3	000038	1101071130	Bùi Ngọc Quang	Minh	10/11/2005	KL11A	01	64	3,6	01	Minh	chấn
4	000039	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	01	63	0,9	01	Minh	lẻ
5	000040	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	01	62	4,4	01	Quý	NP
6	000041	1001021412	Cao Thị Bích	Ngọc	20/09/2004	KD10C	02	61	2,6	01	Ngọc	lẻ
7	000042	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	02	60	6,5	01	Huyền	chấn
8	000043	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	02	59	9,1	01	Trang	lẻ
9	000044	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	02	58	8,5	01	Linh	chấn
10	000045	1001021560	Nguyễn Thùy	Phương	07/08/2004	KD10E	03	57	5,8	01	Phường	lẻ
11	000046	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	03	56	6,6	01	Liên	chấn
12	000047	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	03	55	4,8	01	Kiên	lẻ
13	000048	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	03	54	2,4	01	Linh	chấn
14	000049	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	03	53	1,3	01	Ngọc	lẻ
15	000050	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	04	52	3,0	01	Oanh	chấn
16	000051	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	04	51	1,6	01	Thúy	lẻ
17	000052	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	04	50	1,2	01	Trang	chấn
18	000053	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	04					HP,DK
19	000054	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	04	49	4,9	01	Thắng	chấn
20	000055	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	04	48	1,6	01	Toàn	lẻ
21	000056	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	05	47	6,2	1	Thảo	chấn
22	000057	0810211753	Lý Thị Thanh	Tâm	06/08/2002	KD10C	05					HP,DK
23	000058	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C	05	46	6,0	01	Thương	NP chấn
24	000059	1001021418	Nguyễn Hồng	Son	15/11/2004	KD10E	05	45	2,1	1	Son	lẻ
25	000060	1001021063	Trịnh Thu	Thảo	12/11/2002	KD10E	05	44	6,6	01	Thảo	chấn
26	000061	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	05	43	6,6	01	Trang	NP lẻ
27	000062	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	05	42	3,9	01	Mai	chấn
28	000063	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	05	41	6,1	01	Vinh	NP lẻ
29	000064	0810210486	Ngô Đức	Thiện	24/06/2002	KD8D	05	40	7,9	01	Thiện	NP Chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
30	000065	0901020528	Trần Đỗ	Trung	04/05/2003	KD9E	05					NP
31	000066	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	05					HP, DK
32	000067	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	05	39	9,7	1	linh	đề'
33	000068	0901030069	Đỗ Thị Khánh	Linh	17/12/2003	QT9B	05	38	7,2	1	linh	NP ^{chấn}
34	000069	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	05	37	5,1	1	Trà	lô
35	000070	1101030632	Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	05					vắng
36	000071	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	05	36	8,3	1	Linh	NP ^{lô}

Tổng số sinh viên dự thi: 31....

Tổng số tờ giấy thi: 31..

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 06 tháng 9 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thùy Linh
Nguyễn Thùy Dung